TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-HNGĐ	*Gò Dầu, ngày 07 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định con cho cha

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Tuấn Anh.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên họp: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc "Yêu cầu xác định con cho cha theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Lê Phi H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố X, tỉnh B.

Tạm trú: Tổ 41, ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Trần Thị Ngọc I, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 41, ấp A, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Anh Trần Văn E, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Trường U, xã Trường Đ, thị xã H1, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Căn cứ Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 10-3-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Lê Phi H trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Ngọc I bắt đầu quen biết với nhau vào khoảng tháng 9-2019 và chính thức sống chung như vợ chồng vào đầu tháng 12-2020. Trước khi chung sống với chị I, anh biết chị I có chồng là anh Trần Văn E nhưng chị I và anh E đã xảy ra mâu thuẫn mà không còn sống chung với nhau kể từ năm 2018. Đến ngày 04-5-2021 chị I và anh E được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 126/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2021 của Tòa án nhân dân thị xã H1, tỉnh Tây Ninh.

Trong quá trình anh và chị I chung sống với nhau thì chị I đã mang thai và ngày 09-9-2021 chị I sinh được 01 đứa con trai tại Bệnh viện đa khoa W tỉnh Tây Ninh. Theo Giấy chứng sinh của Bệnh viện đa khoa W ngày 11-9-2021 xác định: Giới tính của con: Nam; cân nặng 3000 gram và tại Giấy chứng sinh này chị I khai tên cha của bé trai này là anh nên anh với chị I đã thống nhất đặt tên con là Lê Phú N, sinh ngày 09-9-2021. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn chưa làm được giấy khai sinh cho cháu N do Ủy ban nhân dân xã C, huyện G cho rằng chị I mang thai cháu N trong thời kỳ hôn nhân của chị I với anh E nên không thể đăng ký giấy khai sinh cháu N là con của anh.

Ngày 01-11-2022 anh và cháu N có đến Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ DNA Testings để làm thủ tục xét nghiệm AND. Đến ngày 04-11-2022 có kết quả xác định anh có quan hệ huyết thống cha – con với cháu N.

Nhằm mục đích để đảm bảo về mặt pháp lý cho anh và cháu N nên nay anh yêu cầu Tòa án xác định cháu N là con của anh. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc I trình bày:*

Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của anh H. Chị với anh Trần Văn E bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2016 và có 01 con chung tên Trần Tuấn M, sinh ngày 01-01-2017. Đến khoảng năm 2018 chị với anh E xảy ra mâu thuẫn nên bắt đầu sống ly thân với nhau và ngày 04-5-2021 chị với anh E được ly hôn. Theo đó, cháu Trần Tuấn M được giao cho chị nuôi và anh E không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng khoảng tháng 9-2019 chị có quen biết với anh H và chính thức sống chung với nhau như vợ chồng từ đầu tháng 12-2020. Quá trình chung sống với anh H, chị có mang thai và ngày 09-9-2021 chị sinh được 01 con trai tại Bệnh viện đa khoa W tỉnh Tây Ninh. Theo Giấy chứng sinh ngày 11-9-2021 chị có khai tên cha của bé trai là anh H và chị đặt tên cháu trai là Lê Phú N lấy theo họ của anh H.

Vì vậy, chị thống nhất và đồng ý với yêu cầu của anh H về việc xác định cháu N là con của anh H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn E:*

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh E để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh E không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh là ông Trần Minh Tân phát biểu:*

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và đương sự (trừ anh E) chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 88, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xác định con cho cha của anh H. Xác định cháu Lê Phú N, sinh ngày 09-9-2021 theo Giấy chứng sinh của Bệnh viện Đa khoa W tỉnh Tây Ninh vào ngày 11-9-2021 là con của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

"Yêu cầu xác định con cho cha theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình. Người yêu cầu xác định cha cho con đang cư trú tại huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Anh H, chị I vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và anh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt họ là phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

Anh H và chị I đều thống nhất xác định: Anh H với chị I bắt đầu chung sống với nhau vào khoảng tháng 9-2019 và quá trình chung sống có 01 người con trai tên Lê Phú N, sinh ngày 09-9-2021 được sinh ra tại Bệnh viện đa khoa W tỉnh Tây Ninh nhưng do chị I mang thai cháu N trong thời kỳ hôn nhân giữa chị I với anh E nên không thể đăng ký khai sinh để xác định cháu E là con của anh H. Việc các đương sự thống nhất xác nhận sự việc như trên là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy: Theo Giấy chứng sinh ngày 11-9-2021 của Bệnh viện đa khoa W thể hiện vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 09-9-2021 chị I sinh được 01 người con có giới tính là Nam và chị I đã khai họ tên cha của con là Lê Phi H. Tại Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 126/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2021 của Tòa án nhân dân thị xã H1, tỉnh Tây Ninh thể hiện là chị I và anh E chỉ có 01 người con chung tên Trần Tuấn M, sinh ngày 01-01-2017 và chị I được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và anh E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị I không yêu cầu. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ việc anh E không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu xác định con cho cha của anh H, nhưng qua kết quả xác minh bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột của anh E) thể hiện trước khi ly hôn thì anh E và chị I đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nên cháu trai mà chị I sinh ra vào ngày 09-9-2021 là con của chị I với người khác mà không phải là con của anh E. Mặc khác, theo Phiếu kết quả phân tích ADN số: FU571_22.M1.B ngày 04-11-2022 của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ DNA Testings kết luận: *"Lê Phi H và Lê Phú N có cùng huyết thống: Cha – Con với độ tin cậy >99,9999%"*.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc anh H yêu cầu xác định cháu N là con của anh H là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Dân sự và các điều 88, 89, 91, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh H là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên anh H phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 29, 35, 39, 92, 367, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Lê Phi H về việc "Yêu cầu xác định con cho cha theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình".

Xác định cháu Lê Phú N, sinh ngày 09-9-2021 theo Giấy chứng sinh ngày 11-9-2021 của Bệnh viện Đa khoa W tỉnh Tây Ninh là con của anh Lê Phi H, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố X, tỉnh B.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh H đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0025276 ngày 10-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh H đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Tuấn Anh